TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Dệt và bà Bùi Thị Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Hàn Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa chị H có mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh Hàn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2002 ngày 18/11/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng bốn năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra nhiều bất đồng quan điểm. Mặc dù đã

nhiều lần tự hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn trong gia đình vẫn không thể cải thiện được nên tháng 01 năm 2023 chị về nhà cha mẹ đẻ ở cho đến nay. Và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, bỏ mặc nhau, không quan tâm đến nhau. Chị xác định, vợ chồng tình cảm dành cho nhau không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và không thể tiếp tục kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hàn Văn T.

- *Về con chung:* Chị và anh Hàn Văn T có 02 con chung là Hàn Thanh N, sinh ngày 23/11/2003 và Hàn Quốc K, sinh ngày 16/8/2007. Cháu Hàn Thanh N đã thành niên và tự lập cuộc sống. Sau khi ly hôn chị giao con Hàn Quốc K cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng con và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Bùi Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hàn Văn T. Về con chung chị đề nghị giao cháu Hàn Quốc K cho anh T chăm sóc nuôi dương, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Đối với cháu Hàn Thanh N đã thành niên thì việc cháu ở với ai là quyền của cháu. Về tài sản chung vợ chồng chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Hàn Văn T:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Anh T đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng trong thời hạn 15 ngày không gửi ý kiến của anh đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H và không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, ông Bùi Huy Bình - Trưởng thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa cho biết: Anh Hàn Văn T và chị Bùi Thị H là công dân thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Anh T hiện nay có mặt tại địa phương, anh làm nghề phun sơn nên thường xuyên vắng mặt ở nhà vào ban ngày, tối anh T mới về nhà. Việc Tòa án tiến hành làm việc trực tiếp với anh T tại gia đình là không thể thực hiện được.

Về mâu thuẫn giữa anh T và chị H: Anh chị thường xuyên xảy ra bất đồng mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, chị H đã nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở, sau đó lại quay về vợ chồng chung sống đoàn tụ. Từ đầu năm 2023 đến nay chị H và anh T sống ly thân. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Hàn Thanh N, sinh ngày 23/11/2003 và Hàn Quốc K, sinh ngày 16/8/2007. Cháu N đã thành niên và tự lập cuộc sống, Cháu K đang học trường THPT thì bỏ học và đi làm ở thành phố Thanh Hóa, Cháu K rất ít khi về nhà nên việc lấy ý kiến cháu ở với ai khi bố mẹ ly hôn là không thể thực hiện được. Về phía gia đình anh T: Cha mẹ anh T đều đã chết.

Về việc tống đạt các văn bản tố tụng: Vì anh T thường xuyên đi làm không có mặt ở nhà, nên ông nhận thay các văn bản và cam kết giao lại tận tay anh T khi anh T về nhà.

***Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:** Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tại Điều 48 và Điều 49 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chị Bùi Thị H đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, khoản 2 Điều 227 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Hàn Văn T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ, không có mặt tại phiên tòa, không có lý do chính đáng. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Hàn Văn T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Hàn Quốc K cho anh Hàn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Bùi Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Hàn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án giữa chị H và anh T thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Hàn Văn T, nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Hàn Văn T vắng mặt, tuy nhiên anh T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt,

không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Hàn Văn T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 18/11/2002; vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, mặc dù vợ chồng cũng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn không thể cải thiện được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay, vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi, bỏ mặc nhau, không quan tâm đến nhau. Mặc dù nhiều lần Tòa án triệu tập anh chị đến Tòa án hòa giải, nhưng anh T không đến, thể hiện anh T không thiết tha đoàn tụ gia đình. Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Chị H xin ly hôn, về phía anh T bỏ mặc không quan tâm. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

- *Về con chung:* Chị Bùi Thị H và anh Hàn Văn T có 02 con chung là Hàn Thanh N, sinh ngày 23/11/2003 và Hàn Quốc K, sinh ngày 16/8/2007. Cháu Hàn Thanh N đã thành niên và tự lập cuộc sống; cháu Hàn Quốc Khách hiện nay đang ở cùng anh T, khi ly hôn chị H giao con Hàn Quốc K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ.

HĐXX xét thấy: Cháu Hàn Quốc K hiện nay đang ở cùng với anh T, cháu bỏ học và đã đi làm nên việc giao Cháu K cho anh T nuôi dưỡng và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ là phù hợp với quy định.

- Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Hàn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hàn Quốc K, sinh ngày 16/8/2007 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con thành niên, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2023, phương thức cấp dương: Hàng tháng.

Chị Bùi Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2021/0007220 ngày 02/3/2023. Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H, vắng mặt anh T. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T, Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh